TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/DS-ST
Ngày 02/7/2021
"V/v tranh chấp vay tài sản giữa anh Tr với anh M".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T – TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Tư Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc Sửu;

Ông Trần Anh Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Lan Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang;

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà:

Ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 03/2021/TLST- DS ngày 11 tháng 01 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2021/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2021/QĐST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1982 (có mặt)

Nơi cư trú: Số nhà 5, tổ dân phố M, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang;

2. Bị đơn: Anh Dương Ngô M, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn H, xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Số nhà 5, tổ dân phố M, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04 tháng 01 năm 2021 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn anh Nguyễn Văn Tr trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết với anh Dương Ngô M, nên ngày 29/10/2015, anh M có hỏi vay của anh số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) mục đích vay để sản xuất kinh doanh, anh đã đồng ý cho vay và anh đã giao đủ số tiền 150.000.000 đồng cho anh M. Sau khi nhận tiền anh M đã viết giấy biên nhận vay tiền, anh và anh M có thỏa thuận, thời hạn vay là 10 ngày, đến ngày 08/11/2015 thì anh M phải trả số tiền vay, lãi suất anh và anh

M thỏa thuận bằng lời nói là 01%/tháng nhưng không ghi vào giấy biên nhận. Giấy biên nhận là do anh M trực tiếp viết và ký tên, trong giấy biên nhận anh M có ghi họ tên là Dương Đức M, do khi đó anh không xem lại giấy chứng minh nhân dân của anh M nên anh không để ý họ tên anh M đã ghi. Sau này anh được biết họ tên chính xác của anh M là Dương Ngô M, sinh năm 1984, địa chỉ thôn H, xã S. Sau khi vay tiền anh M không trả anh gốc và lãi lần nào. Đến hạn trả nợ, anh đã nhiều lần yêu cầu anh M trả nợ nhưng đến nay anh M không trả cho vợ chồng anh số tiền trên. Anh xác định số tiền trên là tài sản chung của vợ chồng anh.

Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Dương Ngô M phải trả cho vợ chồng anh số tiền gốc là 150.000.000 đồng, anh không yêu cầu trả lãi.

Tại phiên tòa hôm nay anh Tr có mặt và giữ nguyên yêu cầu trên.

Bị đơn là anh Dương Ngô M đã được Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh M không đến Tòa án làm việc và cũng không trình bầy ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để bảo vệ quyền và lợi ích của mình.

Tại phiên tòa anh M vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 10/5/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị là vợ của anh Tr, chị có biết việc anh Tr cho anh M vay số tiền 150.000.000 đồng, chị xác định số tiền trên là tài sản chung của vợ chồng chị. Nay chị đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh Tr, chị đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh M phải có nghĩa vụ trả vợ chồng chị số tiền đã vay.

Tại phiên tòa, chị H vắng mặt.

Tham gia phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa, Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng, tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yều cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Tr, buộc anh Dương Ngô M có trách nhiệm trả vợ chồng anh Tr, chị H số tiền gốc là 150.000.000 đồng.

Về án phí: Anh M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn là anh Dương Ngô M, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị H đều đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án.

[2] Về số tiền nợ:

Xét yêu cầu của anh Nguyễn Văn Tr đòi anh Dương Ngô M trả số tiền 150.000.000 đồng gốc, Hội đồng xét xử nhận thấy: Kèm theo đơn khởi kiện,

anh Tr có nộp 01 giấy biên nhận vay tiền có ghi người vay là anh Dương Đức M và anh M có ký vào phần người vay. Quá trình giải quyết vụ án, anh M không trình bày ý kiến để bảo vệ quyền lợi của mình. Tòa án đã tiến hành làm việc với ông Dương Ngô Ch là bố đẻ của anh M và cư trú cùng địa chỉ với anh M. Ông Ch xác định, sau khi Tòa án giao thông báo thụ lý vụ án cho ông để ông giao lại cho anh M, thì ông đã điện thoại cho anh M, anh M có xác nhận là vay của anh Tr số tiền 150.000.000 đồng vào năm 2015 để làm ăn, khi vay có viết giấy biên nhận và ký tên là Dương Đức M, sau khi vay do làm ăn thua lỗ nên anh M chưa trả được cho anh Tr số tiền vay. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của anh Tr là có căn cứ chấp nhận. Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên nhân dẫn đến việc tồn đọng số nợ trên là do anh M không có ý thức thanh toán trả cho anh Tr số tiền trên mặc dù anh Tr đã nhiều lần yêu cầu anh M thanh toán nhưng anh M vẫn không thanh toán nên buộc anh Tr phải khởi kiện ra Tòa án để giải quyết. Yêu cầu trên của anh Tr là phï hîp. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc anh M phải thanh toán trả cho vợ chồng anh Tr, chị H số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng.

[3] Về lãi suất: Anh Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đăt ra xem xét giải quyết.

[4]. Về lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Anh Tr yêu cầu lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Do đó, cần áp dụng Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để giải quyết.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của anh Tr được chấp nhận nên anh M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Do đó, áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, số tiền án phí được tính cụ thể như sau: 150.000.000 đồng x 5% = 7.500.000 đồng.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 470, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Tr.

1. Buộc anh Dương Ngô M phải trả cho vợ chồng anh Nguyễn Văn Tr, chị Nguyễn Thị H số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) gốc.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, mà người phải thi hành án không trả được, hoặc trả không đầy đủ số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi trả xong.

2. Về án phí: anh Dương Ngô M phải chịu 7.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả anh Nguyễn Văn Tr số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lại thu tiền số AA/2020/0000169 ngày 11/01/2021 tại Chi cục Thi hành án huyện T.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Tư Duy